

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT (1 tiết)

HOẠT ĐỘNG 1: Khởi động

Mục tiêu:

- Củng cố kiến thức về công dụng của các dấu câu qua những ví dụ vui.
- Tạo tâm thế tích cực cho học sinh tiếp nhận bài mới.

Tổ chức hoạt động	Hoạt động của học sinh	Kết quả/ Sản phẩm học tập
<p>– GV trình chiếu (hoặc dùng bảng phụ) các ví dụ.</p> <p>+ GV yêu cầu HS quan sát ví dụ và nêu cách hiểu mỗi câu.</p> <p>+ Lí giải tại sao có nhiều cách hiểu khác nhau và rút ra bài học về cách sử dụng dấu câu.</p> <p>– GV dẫn vào bài mới.</p>	<p>– Quan sát ví dụ:</p> <p>(1) <i>Nam sinh bỏ áo trong quần nữ sinh mặc áo dài.</i></p> <p>(2) <i>Lúc ăn cơm không được uống rượu.</i></p> <p>(3) <i>Anh Hoà cắt tiết anh Hùng nhờ lông cô Hồng luộc trứng anh Tuấn mổ bụng cô Lài lột da anh Tấn rán mỡ chị Kim rửa chim cô Lý bóp mềm anh Tuất băm nhỏ cô Lan xào gan anh Hiệp quét dọn.</i></p> <p>– Suy nghĩ và trả lời các câu hỏi:</p> <p>+ Các câu trên có thể được hiểu theo những cách nào?</p> <p>+ Tại sao lại có nhiều cách hiểu như vậy?</p> <p>+ Bài học rút ra?</p>	<p>– Nêu được các cách hiểu về những câu được đưa ra.</p> <p>– Nêu được ý nghĩa của dấu câu: cần dùng dấu câu đúng chỗ để người đọc hiểu đúng nội dung.</p>

HOẠT ĐỘNG 2: Hình thành kiến thức mới

Mục tiêu: Nhận biết được công dụng khác của dấu chấm phẩy.

Tổ chức hoạt động	Hoạt động của học sinh	Kết quả/ Sản phẩm học tập
<p>– GV cho HS đọc phần <i>Nhận biết công dụng của dấu chấm phẩy</i>.</p>	<p>– Đọc phần <i>Nhận biết công dụng của dấu chấm phẩy</i>.</p>	<p>Từ kết quả điền phiếu, rút ra được kết luận về công dụng khác của dấu chấm phẩy: Đánh dấu ranh giới giữa các</p>

- GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm đôi, tìm hiểu công dụng của dấu chấm phẩy trong câu văn.
 - GV đánh giá kết quả thảo luận và rút ra kết luận.
 - Thảo luận nhóm đôi và hoàn thành *Phiếu học tập số 1*.
 - Các nhóm trình bày ý kiến, nhóm khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung.
- về trong một câu ghép có cấu tạo phức tạp.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Câu văn	Xác định các vế câu	Công dụng của dấu chấm phẩy
a) <i>Én bố mẹ tập nập đi, về, mãi miết sớm mỗi cho con; én anh chị rập rờn bay đôi; én ra ràng chấp chới vỗ cánh bên rìa hốc đá.</i>
b) <i>Tráng sĩ xông vào trận đánh giặc; giặc chết như ngã rạ.</i>

HOẠT ĐỘNG 3: Luyện tập, vận dụng

Mục tiêu:

- Nhận biết được công dụng của dấu chấm phẩy và biết sử dụng dấu chấm phẩy trong việc viết câu và đoạn văn.
- Nhận biết được cấu tạo của từ Hán Việt có yếu tố *thủy* (nước); nhận biết được nghĩa của một số thành ngữ thông dụng xuất hiện trong văn bản đọc hiểu.
- Xác định và nêu được tác dụng của biện pháp tu từ điệp ngữ trong câu văn.

Tổ chức hoạt động	Hoạt động của học sinh	Kết quả/ Sản phẩm học tập
Bài tập 1 - GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm, nhận biết dấu chấm phẩy trong đoạn văn và phân tích được tác dụng của chúng. - GV mời các nhóm trình bày.	- Đọc đoạn văn trong SGK. - Thảo luận nhóm: nêu vị trí, công dụng của dấu chấm phẩy. - Đại diện các nhóm trình bày.	- Nêu đúng công dụng của dấu chấm phẩy trong đoạn văn dùng đánh dấu các bộ phận trong một phép liệt kê.

– GV nhận xét, đánh giá kết quả thảo luận.

Đoạn văn	Vị trí	Công dụng
Một người ở vùng núi Tân Viên có tài lạ: vẫy tay về phía đông, phía đông nổi cồn bãi; vẫy tay về phía tây, phía tây mọc lên từng dãy núi đồi. Người ta gọi chàng là Sơn Tinh. Một người ở miền biển, tài năng cũng không kém: gọi gió, gió đến; hô mưa, mưa về. Người ta gọi chàng là Thủy Tinh.

Bài tập 2

– GV cho HS đọc và xác định yêu cầu bài tập 2, SGK tr. 13.

– GV cho HS làm việc cá nhân.
– GV mời HS trình bày đoạn văn và nhận xét.
– GV nhận xét, góp ý.

Bài tập 3

– GV chiếu mô hình cấu tạo từ Hán Việt: *thủy* (nước) + A và hướng dẫn HS hoàn thành phiếu học tập.
Ví dụ: *Thủy Tinh* (thần nước)

– Đọc và xác định yêu cầu:
+ Hình thức: đoạn văn (5 – 7 câu); dự kiến dùng dấu chấm phẩy ở câu văn cụ thể.
+ Nội dung: tự lựa chọn chủ đề.
– Thực hiện theo yêu cầu.
– Đọc đoạn văn.

– Quan sát mô hình.
– Nhận diện mô hình cấu tạo từ Hán Việt theo mẫu.
– Hoàn thành phiếu học tập theo mẫu sau.

– Viết được đoạn văn đảm bảo yêu cầu về nội dung, hình thức.

Tìm được các từ theo mô hình như:
– *thủy cư*: sống ở dưới nước
– *thủy quái*: quái vật sống dưới nước.

STT	Yếu tố Hán Việt A	Từ Hán Việt (<i>thủy</i> + A)	Nghĩa của từ Hán Việt
1	<i>cư</i>	<i>thủy cư</i>	sống ở dưới nước
.....
.....

Bài tập 4

- GV cho HS đọc yêu cầu bài tập 4.
- GV yêu cầu HS giải thích nghĩa của các thành ngữ: *hồ mưa gọi gió, oán nặng thù sâu*.
- GV hướng dẫn HS nhận xét nguyên tắc cấu tạo và tìm thêm các thành ngữ tương tự.

Bài tập 5

- GV tổ chức cho HS làm việc theo nhóm.
- GV mời các nhóm trình bày.
- GV và HS nhận xét và thống nhất nội dung.

- Đọc bài tập.
- Thảo luận nhóm đôi, hoàn thành bài tập.
- Đọc thầm văn bản.
- HS làm việc nhóm:
 - + Chỉ ra các câu văn sử dụng biện pháp tu từ điệp ngữ.
 - + Nêu tác dụng của điệp ngữ trong từng câu.
- Đại diện nhóm trình bày ý kiến, các nhóm khác lắng nghe và nhận xét.

- Nhận xét được cấu tạo các thành ngữ: cấu trúc đối, thường là các cặp từ có sự tương đồng về từ loại và gần trường nghĩa, tạo nên quan hệ trùng điệp, tăng tiến, bổ sung.
- Xác định được các thành ngữ có cấu tạo tương tự: *ăn gió nằm sương, dãi nắng dầm mưa, đội trời đạp đất, chém to kho mặn, chân cứng đá mềm, ăn to nói lớn,...*
- Xác định và nêu được tác dụng của biện pháp tu từ điệp ngữ trong các câu văn.

VD1: *Một người là chúa miền non cao, một người là chúa vùng nước thẳm, cả hai đều xứng đáng làm rể vua Hùng*
 → nhấn mạnh sự ngang tài ngang sức, mỗi người một vẻ của Sơn Tinh, Thủy Tinh.

VD2: *Nước ngập ruộng đồng, nước tràn nhà cửa, nước dâng lên lưng đồi, sườn núi, thành Phong Châu như nổi lênh bênh trên một biển nước*
 → liệt kê những sự vật bị ngập, nhấn mạnh việc nước ngập mọi nơi, lần lượt, tăng tiến (từ xa đến gần, từ ngoài vào trong), qua đó thể hiện sức mạnh, sự tức giận của Thủy Tinh.

PHIẾU BÀI TẬP

Từ ghép	Từ láy
Câu văn sử dụng biện pháp tu từ điệp ngữ	Tác dụng
1.	
2.	
3.	
...	